

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị Biên Động,
huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016
của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số
26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy
ban thường vụ quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính
trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến
năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của
Chính phủ Về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP
ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các
Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị quốc gia giai đoạn 2021-
2030;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 và tầm
nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ
Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Ban

Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn tại Tờ trình số 347/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024; của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 163/BC-SXD ngày 23 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Biên Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu phát triển đô thị

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được cho từng giai đoạn hàng năm, 5 năm phù hợp với định hướng quy hoạch chung đô thị Biên Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035. Từng bước hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng bước nâng cao tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn huyện.

- Xây dựng, phát triển đô thị Biên Động đạt tiêu chí đô thị loại V theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

- Lập danh mục các dự án đầu tư phát triển đô thị, dự kiến sơ bộ nhu cầu kinh phí, nguồn vốn và giai đoạn thực hiện làm cơ sở để bố trí và huy động nguồn vốn từ các thành phần kinh tế tham gia vào quá trình đầu tư xây dựng phát triển đô thị Biên Động, huyện Lục Ngạn.

2. Phạm vi, ranh giới lập chương trình phát triển đô thị

- Phạm vi: căn cứ theo phạm vi ranh giới lập quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt, gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Biên Động.

- Ranh giới: phía Bắc giáp xã Kim Sơn, huyện Lục Ngạn; phía Nam giáp xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn và xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động; phía Đông giáp xã Cẩm Đàn, Quế Sơn và Chiên Sơn, huyện Sơn Động; phía Tây giáp xã Tân Hoa huyện Lục Ngạn.

3. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị theo từng giai đoạn

Stt	Nhóm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035
I	Chỉ tiêu phát triển đô thị chính theo quy định của Thông tư số 06/2023/TT-BXD				
1	Mật độ dân số toàn đô thị (người/km ²)	460	≥490	≥540	≥700

II Các tiêu chuẩn thấp hơn mức tối thiểu theo tiêu chuẩn phân loại đô thị loại V					
1	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất (%)	3,7	≥ 5	≥ 6	≥ 7
2	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước (lần)	0,93	≥ 1	≥ 1	$\geq 1,25$
3	Đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng đô thị bình quân đầu người (m ² /người)	2,09	2,09	≥ 3	$\geq 3,5$
4	Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị (cơ sở)	0	0	1	1
5	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngày đêm)	0	Xây dựng nhà máy cấp nước	≥ 100	≥ 120
6	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)	0	Xây dựng nhà máy cấp nước	≥ 95	≥ 100
7	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	0	0	≥ 12	≥ 15
8	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị (quy chế)	Chưa có quy chế	Tổ chức lập quy chế	Thực hiện quy chế	Thực hiện quy chế
9	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%)	0	0	≥ 20	≥ 30
10	Công trình xanh (công trình)	0	0	1	1
II Các tiêu chuẩn đạt nhưng ở mức thấp theo tiêu chuẩn phân loại đô thị loại V					
1	Vị trí, chức năng, vai trò	Là trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội của một cụm liên xã			
2	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ	Đủ	Đủ	Đủ

3	Tăng tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ (%)	Tăng theo mục tiêu đề ra	Tăng theo mục tiêu đề ra	Tăng theo mục tiêu đề ra	Tăng 4%
4	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân (giường/10.000 dân)	Đạt tiêu chí về y tế xã	Đạt tiêu chí về y tế xã	Đạt tiêu chí về y tế xã	Đạt tiêu chí về y tế xã
5	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị (công trình)	1	1	1	2
6	Công trình đầu mối giao thông (cấp)	Huyện	Huyện	Huyện	Huyện
7	Nhà tang lễ (cơ sở)	0	0	1	1
8	Số lượng không gian công cộng của đô thị (khu)	1	1	1	2
9	Công trình kiến trúc tiêu biểu (công trình)	Cấp tỉnh	Cấp tỉnh	Cấp tỉnh	Cấp tỉnh
10	Khu chức năng đô thị (khu)	1	1	1	2

4. Các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công và nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên để hoàn thiện các tiêu chuẩn thấp hơn mức tối thiểu theo tiêu chuẩn phân loại đô thị

Stt	Tiêu chuẩn cần khắc phục	Các chương trình, dự án
I. Mật độ dân số toàn đô thị		
1	Mật độ dân số toàn đô thị	Các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư đảm bảo nhu cầu tăng dân số. Khuyến khích thực hiện các dự án xây dựng các trung tâm thương mại, dự án phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm tăng dân số cơ học cho đô thị.
II. Các chỉ tiêu thấp hơn mức tối thiểu theo tiêu chí phân loại đô thị		
1	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất	Khuyến khích thực hiện các dự án xây dựng các trung tâm thương mại, dự án phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch sinh thái,
2	Tăng trưởng tổng giá trị sản	

	phẩm trên địa bàn so với cả nước (lần)	du lịch trải nghiệm tăng dân số cơ học cho đô thị.
3	Đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng đô thị bình quân đầu người (m ² /người)	Dự án xây dựng chợ Biển Động trên khu đất mới quy hoạch 1,26ha.
4	Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị (cơ sở)	Hiện tại chưa có kế hoạch đầu tư, giai đoạn sau xem xét điều chỉnh quy hoạch chung cần thiết bổ sung đầu tư xây dựng trường học sau khi điều chỉnh.
5	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngày đêm)	Xây dựng 01 nhà máy nước sạch liên xã Biển Động, Phú Nhuận, Kim Sơn, Tân Hoa công suất 6.000m ³ /ngày đêm (Biển Động khoảng 2.000m ³ /ngày đêm).
6	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)	Đầu tư xây dựng hệ thống đường ống cấp nước phân phối D200 (khoảng 4km) đến khu trung tâm và đường ống dịch vụ D63 (khoảng 16km) cấp cho các thôn Phố Biển, Biển Dưới, Biển Giữa, Biển Trên.
7	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ tại các khu đô thị, khu dân cư.
8	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị (quy chế)	Lập quy chế quản lý kiến trúc và áp dụng.
9	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%)	UBND thị trấn tự thực hiện đánh giá và đề xuất đầu tư cải tạo, công nhận tuyến phố văn minh đô thị.
10	Công trình xanh (công trình)	Xây dựng công trình xanh tại khuôn viên của khu đô thị trung tâm.
III. Các chỉ tiêu đạt nhưng ở mức thấp theo tiêu chí phân loại đô thị		
1	Cân đối thu chi ngân sách	Khuyến khích thực hiện các dự án xây dựng các trung tâm thương mại, dự án phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm tăng dân số cơ học cho đô thị.
2	Tăng tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ (%)	Khuyến khích thực hiện các dự án xây dựng các trung tâm thương mại, dự án phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm tăng dân số cơ học cho

		đô thị.
3	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân (giường/10.000 dân)	Hiện tại chưa có kế hoạch đầu tư, giai đoạn sau xem xét điều chỉnh quy hoạch chung cần thiết bổ sung đầu tư trung tâm y tế, khuyến khích đầu tư bệnh viện tư nhân sau khi điều chỉnh quy hoạch.
4	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị (công trình)	Dự án xây dựng trung tâm thể dục, thể thao thị trấn.
5	Công trình đầu mối giao thông (cấp)	Xây dựng bãi đỗ xe tại khu đô thị trung tâm.
6	Nhà tang lễ (cơ sở)	Xây dựng nghĩa trang tập trung quy mô 10ha và nhà tang lễ.
7	Số lượng không gian công cộng của đô thị (khu)	Dự án xây dựng trung tâm thể dục, thể thao thị trấn.
8	Công trình kiến trúc tiêu biểu (công trình)	Bảo tồn, duy trì, tu sửa khu vực di tích đình, đền, chùa Biền Động.
9	Khu chức năng đô thị (khu)	Các dự án đầu tư khu đô thị, khu dân cư đảm bảo nhu cầu tăng dân số.

5. Danh mục các khu vực được xác định theo quy hoạch đô thị

a) Danh mục các khu vực được xác định theo quy hoạch đô thị

- Khu 1: Khu vực tập trung xây dựng đô thị

Là khu trung tâm tổng hợp đô thị, tổ chức không gian theo dạng tập trung; hình thành trung tâm tổng hợp đô thị, cải tạo mở rộng khu vực hiện trạng thuộc tiểu khu 2 và tiểu khu 4.

- Khu 2: Khu vực sản xuất nông lâm nghiệp, đô thị và dịch vụ Sinh thái Đồng Man

Là khu sản xuất nông lâm nghiệp và dịch vụ du lịch sinh thái, tổ chức không gian theo dạng cành nhánh; bảo tồn địa hình tự nhiên; không mở rộng không gian ở chỉ đầu tư xây dựng hạ tầng đảm bảo theo tiêu chí đô thị; tổ chức các mô hình trang trại nông lâm kết hợp.

- Khu 3: Thung lũng Xanh thôn Thảo, Ba Lều

Là khu sản xuất nông nghiệp và dịch vụ sinh thái, cộng đồng, tổ chức không gian theo dạng cành nhánh; không mở rộng không gian ở chỉ đầu tư xây dựng hạ tầng đảm bảo theo tiêu chí đô thị; tổ chức các dịch vụ sinh thái, trải nghiệm.

- Khu vực số 4: Khu vực sản xuất nông lâm nghiệp và dịch vụ Sinh thái Bắc sông Thảo.

Là khu sản xuất nông nghiệp và du lịch sinh thái, dịch vụ công cộng, tổ chức không gian theo dạng cành nhánh; bảo tồn địa hình tự nhiên; tổ chức các mô hình trang trại nông lâm kết hợp; tổ chức các khu du lịch sinh thái gắn với cảnh quan tự nhiên, du lịch cộng đồng gắn với các điểm dân cư.

- Khu 5: Khu vực sản xuất nông nghiệp và dịch vụ cộng đồng Thùng Thình

Là khu sản xuất nông lâm nghiệp và dịch vụ cộng đồng, tổ chức không gian theo dạng cành nhánh; bảo tồn địa hình tự nhiên; không mở rộng không gian ở không mở rộng không gian ở chỉ đầu tư xây dựng hạ tầng đảm bảo theo tiêu chí đô thị; tổ chức các mô hình trang trại nông lâm kết hợp; tổ chức các dịch vụ sinh thái, du lịch gắn với rừng, trải nghiệm sản xuất nông nghiệp cùng cộng đồng cư dân khu vực.

6. Lộ trình triển khai xây dựng

a) Giai đoạn 1 (đến năm 2025)

- Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp một số tuyến đường giao thông, mương thoát nước trên địa bàn;

- Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị Biển Đông;

- Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư trung tâm, quy hoạch chi tiết khu vực nhà máy nước sạch, khu chợ mới làm cơ sở đầu tư và kêu gọi đầu tư.

b) Giai đoạn 2 (từ năm 2026 đến năm 2030)

- Xây dựng khu đô thị trung tâm Biển Đông phục vụ nhu cầu phát triển dân số;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng cấp nước sạch đồng bộ cùng nhà máy cấp nước sạch; xây dựng chợ Biển Đông;

- Xây dựng tuyến phố gắn liền với Quốc lộ 31 là tuyến phố văn minh đô thị;

- Xây dựng kế hoạch thành lập cụm công nghiệp Đồng Nền, lập quy hoạch chi tiết xây dựng: Cụm công nghiệp có quy mô 50ha; Khu dân cư phía Nam; Khu trung tâm thương mại, văn hóa phía Bắc; Khu hỗn hợp, thương mại, dịch vụ dọc Quốc lộ 31; Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng hồ Đồng Man; Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng phía Bắc sông Thảo; Khu du lịch, nghỉ dưỡng trải nghiệm thôn Khuyên.

- Đầu tư xây dựng nhà máy nước sạch liên xã công suất 6.000m³/ngày đêm.

c) Giai đoạn 3 (sau năm 2030)

- Tiếp tục đầu tư xây dựng Khu đô thị trung tâm Biển Đông; Khu dân cư phía Nam đảm bảo nhu cầu tăng dân số đến năm 2035;

- Thực hiện đầu tư xây dựng cụm công nghiệp Đồng Nền;

- Đầu tư xây dựng các chương trình, dự án chiến lược theo quy hoạch chung: Xây dựng mới UBND thị trấn tại khu đô thị trung tâm; Cải tạo, nâng cấp các trường học hiện trạng, xây dựng mới trường học tại Khu đô thị mới trung tâm; Xây dựng mới nhà văn hóa thị trấn, trung tâm thương mại tại Khu trung tâm thương mại, văn hóa phía Bắc; Đầu tư xây dựng khu hỗn hợp, thương mại dịch vụ, khách sạn dọc Quốc lộ 31;

- Đầu tư xây dựng các chương trình, dự án hạ tầng kỹ thuật: Mở rộng đường Quốc lộ 31 khu vực trong đô thị cũ; Mở rộng tuyến đường từ khu trung tâm đi Kim Sơn; Mở rộng tuyến đường từ khu trung tâm đi Phú Nhuận; Xây dựng các tuyến đường đô thị; Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải dọc các trục đường đô thị; Xây dựng mới 01 đường dây 35kV từ trạm 110kV Lục Ngạn; Hạ ngầm tất cả các tuyến cáp xuống hè đến năm 2035 đạt 75%;

- Đầu tư xây dựng các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Đồng Man; Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng phía Bắc sông Thảo; Khu nghỉ dưỡng, trải nghiệm thôn Khuyên;

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2.000m³/ngày đêm;

- Xây dựng nghĩa trang tập trung quy mô 10ha và 01 nhà tang lễ bên trong khuôn viên nghĩa trang phía Đông thôn Thảo.

7. Các dự án đầu tư phát triển đô thị

a) Các dự án ưu tiên đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng đô thị để hoàn thiện, nâng cao tiêu chuẩn đô thị

- Các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở để nâng cao tiêu chuẩn quy mô dân số, mật độ dân số đô thị.

- Các dự án để phát triển đô thị Biên Động như: đường giao thông, bãi đỗ xe, cấp thoát nước, xử lý nước thải; trung tâm thương mại - dịch vụ; trung tâm y tế; giáo dục; văn hóa, thể dục thể thao.

b) Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khung, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các dự án khác thuộc phạm vi đô thị được xác định trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị

c) Tổng hợp sơ bộ nhu cầu kinh phí thực hiện

- Tổng hợp theo danh mục dự án

Stt	Danh mục dự án	Nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Vốn khác	Vốn ngân sách cấp trên	Vốn ngân sách địa phương
I. Dự án đáp ứng tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị					
1	Dự án hoàn thiện các tiêu chuẩn thấp hơn mức tối thiểu	448,73	362,05	82,34	4,33

	theo tiêu chuẩn phân loại đô thị loại V				
2	Dự án nâng cao các tiêu chuẩn đạt nhưng ở mức thấp theo tiêu chuẩn phân loại đô thị loại V	33,00		31,35	1,65
II. Chương trình, dự án khác theo quy hoạch đô thị được duyệt đến năm 2025					
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội	4,62	0,00	4,39	0,23
2	Dự án khác	3,85	0,00	3,66	0,19
III. Chương trình, dự án khác theo quy hoạch đô thị được duyệt đến năm 2030					
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội	1360,46	28,25	1265,60	66,61
2	Dự án khác	2590,65	2465,49	118,91	6,26
3	Dự án khu đô thị, khu dân cư	237,60	237,60	0,00	0,00
Tổng cộng:		4678,91	3093,38	1506,25	79,28

- Tổng hợp theo nguồn vốn, giai đoạn thực hiện

Stt	Nguồn vốn	Tổng số vốn (tỷ đồng)	Đến năm 2025	Giai đoạn 2026 - 2030	Sau năm 2030
1	Vốn ngân sách cấp trên	1.506,25	8,88	102,31	1.395,06
2	Vốn ngân sách địa phương	79,27	0,47	5,38	73,42
3	Vốn khác	3.093,39	0,00	362,05	2.731,34
Tổng cộng:		4.678,91	9,35	469,74	4.199,82

8. Tổ chức thực hiện

a) UBND huyện Lục Ngạn: chịu trách nhiệm đảm bảo về tính chính xác của số liệu, bản vẽ và phụ lục bảng biểu trong hồ sơ; chủ trì tổ chức công bố và thực hiện các nội dung của Chương trình theo quy định của pháp luật; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc (nếu có); tổ chức sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện chương trình phát triển đô thị theo từng giai đoạn.

b) Các Sở, ban, ngành có liên quan: căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các chỉ tiêu phát triển đô thị liên quan, chủ động hướng dẫn, phối hợp và kiểm tra, đôn đốc UBND huyện Lục Ngạn trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

Điều 2. Thủ trưởng các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, TKCT, NC, KG-VX, GT, TN;
 - + Lưu: VT, XD^{Tuấn}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích